

Đỗ Văn Trọn, vực sâu và, đỉnh cao.

Tôi may mắn được quen biết và, thân thiết với nhiều bạn trẻ. Một trong những người trẻ tôi quen biết và, trở nên thân thiết rất sớm, là Đỗ Văn Trọn, em một người bạn của tôi.

Đó là năm, tháng Pleiku, cuối thập niên 1960s, khi Đỗ Văn Trọn còn là một học sinh trung học. Ngay từ niên thiếu, trong ghi nhận của tôi, Đỗ Văn Trọn đã sớm cho thấy cá tính hiển lộ với phong cách, tư thái của một trái cây chín sớm. Phong cách, tư thái của một thanh niên trên những đèo dốc Pleiku, sương mù. Bên những lũng, đồi hoa quỳ vàng thơm nắng, gió. Những đêm khuyh diệp thả hương lên những đàn thiên lý hàm tiếu nhan sắc và, bụi đỏ. Những đêm mưa chập chùng khua rộn núi rừng cao nguyên mà, tiếng vọng hoang dã, đã như một quỳên rữ, bí mật mời gọi.



Nhà văn Đỗ Văn Trọn

Từ đại ngàn hay quảng trường thiên nhiên bát ngát này, Đỗ Văn Trọn đã hăm hở xấn tới bằng những bước chân tự tin, khám phá đầu nguồn, mạch sống.

Từ đà phóng hăm hở, sung mãn niềm tin với đôi cánh tuổi trẻ và, lực đẩy gia đình, tôi nghĩ, tương ai Đỗ Văn Trọn sẽ là tương lai của một thành tựu trên nền tảng chuyên môn, khoa bảng.

Từ đà phóng khôi ngô, sáng láng, với đôi cánh tuổi trẻ chấp chới phiêu lưu, tôi nghĩ, tương lai Đỗ Văn Trọn, nếu chệch hướng thì, sẽ là tương lai của một “tay chơi” trên lộ trình thời thượng...

Rồi biến cố tháng tư 75 xảy tới. Trận hồng thủy tai ương bất ngờ ném lịch sử miền Nam vào đen tối. Lịch sử nghiệt ngã, nham nhở tự vẽ cho nó những chương lầm than xã hội, khác. Bao tổ thời thế hắt mấy chục triệu đồng bào miền Nam lên những đỉnh triều tan tác. Trong đó, có tôi. Có Đỗ Văn Trọn...

Định mệnh thớ lợ tiếng cười nhạo báng trên những thân phận dạt trôi, trăm ngã; kể bên những co, rút, che dấu mọi bóng, hình. Chúng tôi thất lạc nhau. Như những chiếc lá lia cành. Và, không một chiếc lá nào dù, còn xanh non hay, đã úa vàng, đoán được đường bay của chính nó!

Giữa lúc tôi cam đành cảnh đời của một kẻ thất thố, thiếu quê hương thì, trại đảo Đông Nam Á đem lại cho tôi một lá thư. Lá thư, nghiêng ngã những con chữ viết vội, như thê chúng vẫn còn ngày ngật con say, bởi những ngọn sóng cấp năm, cấp sáu giữa đại dương. Lá thư siêu, đổ những con chữ, tựa như chúng vừa bước chân khỏi con thuyền rách nát, đang đợi chìm sâu, rã mục một góc khuất lánh cảng Songkhla, Thái Lan.

Tên người ở mặt trước lá thư, góc trái trên cao, cho tôi một ngõ ngang lớn: Đỗ Văn Trọn. Một trong người trẻ tôi quen biết và, thân thiết, rất sớm. Quê nhà. Nếu trí nhớ chưa lia bỏ ký ức tôi, thì thư đó, được Đỗ viết khoảng tháng 3 năm 1981.

Nội dung thư ngắn của Đỗ, còn cho tôi một ngõ ngang, kinh ngạc hơn nữa, khi Đỗ cho biết, đem theo được 2 em trai, tới trại đảo: Khung cửa tương lai, sẽ mở vào một cảnh đời khác. Và, những hạt hy vọng nên người đã nảy mầm tốt tươi, chắc, gọn trong lòng tay.

Tôi nói, việc Đỗ báo tin đem được hai người em tới bến bờ tự do là một ngõ ngang, kinh ngạc vì, tuyệt nhiên, tôi không hề nghĩ có ngày, người trẻ tuổi kia, đang từ một “thiếu gia” bỗng chốc, trở thành người giang rộng đôi tay (như đôi cánh xòe rộng của gà mẹ bảo vệ đàn con!) lo cho các em.

Tôi vui lắm. Tôi mừng lắm! Dù lo lắng không biết cách nào, Đỗ có thể bảo bọc, chăm sóc hai em, như một người cha đơn thân, khi cái tiểu gia đình kia, vào được đất liền.

Tôi nhớ, đó là cuối tháng 6-1981. Thời gian này, miền nam Cali được mưa, bão bất ngờ thăm viếng sớm. Gió đêm thường bẻ gãy những cành me dại, để lại trên Drive way ngôi nhà của chúng tôi ở đường Rancho Way. Đó cũng là thời gian Đỗ chọn định cư tại Orange County, cho hai em đi học. Và, chúng tôi bắt đầu những ngày cùng nhau tái tạo đời, mới.

Trái với lo lắng ban đầu của tôi, Đỗ đã rất mau chóng thích ứng với đời sống và, trách nhiệm. Trách nhiệm của một “người cha đơn thân” lo cho các em.

Ngay từ những ngày đầu tiên, xứ người, Đỗ đã cho thấy Đỗ là một người khác. Từ gốc “thiếu gia” Đỗ nhậm lệ trở thành một thanh niên không nề hà bất cứ một công việc lao động, thấp kém nào! Cùng một lúc, Đỗ làm rất nhiều việc. Từ hăng say giúp tôi trong việc phát hành hai tờ báo của tôi thời đó (Tạp chí Nhân Chứng và Tuần báo Tay Phải), tới việc lái xe đưa đón bệnh nhân đến các phòng mạch bác sĩ. Từ việc đi chợ mua thức ăn, nấu nướng cho hai em, tới việc giặt giũ quần áo, dọn dẹp nhà cửa... Một mình Đỗ đóng cả hai vai, cha và, mẹ!

Gần đây, khi tình cờ được đọc một tùy bút cảm động, Đỗ viết về cái chết của thân phụ, tôi mới biết rõ hơn, “thân thế” của người bạn trẻ thân thiết này. Đỗ kể:

“...Tôi là đứa con thứ mười một, trong số hai mươi người con mà Ba tạo thành. Tôi được Ba thương nhất, có thể vì tôi giống Ba và tôi cũng được may mắn sống bên Ba nhiều năm tháng. Mỗi chuyến đi xa tôi đều đưa Ba Mẹ đi cùng (...)

“Sau năm 1975, gia đình tôi bị đánh tư sản. Hăng nước đá, lò bánh mì, khách sạn, hàng chục ngôi nhà bị tịch thu. Ba tôi nhìn thấy viễn ảnh bị đày đi vùng kinh tế mới là chuyện sẽ xảy ra, nên tìm một miếng đất làm rẫy. Hàng ngày, tôi cùng Ba đi bộ hơn mười cây số đến nơi khai hoang để cuốc đất, trồng lúa, trồng rau. Những buổi trưa giữa triền đồi sỏi nắng, hai cha con ngồi ăn những bát cơm đượm tình. Ba tâm sự: ‘Trong nhà chỉ có con là làm rẫy được với Ba, nhưng ba biết con sẽ vượt biên. Ba sợ con bị bắt, Ba sợ con chết trên biển cả. Thôi con lập gia đình đi, rồi sống cho qua ngày tháng như Ba đang chịu đựng. Hãy quên tất cả đi con. Chọn nương rẫy làm bạn, để tránh con mất soi mói của người đời’...”

“Ba hiểu chế độ cộng sản nên giả điên, giả khùng. Mỗi lần nhà ăn cơm mà có một ông nón cối vào, là như có bóng hung thần. Ba sợ hãi giấu nồi cơm trắng. Ba bắt mọi người phải ăn cơm độn với khoai lang. Trước nhà, Ba để một đống phân bò thật lớn, mỗi sáng anh em chúng tôi phải tiểu vào. Mùi hôi nồng nặc làm tôi không chịu nổi. Sau này, tôi mới hiểu, Ba cố tình như vậy để tránh những con mắt cú vọ của phường xóm, của những cây ‘ăng ten lá lúa’. Ba muốn che đậy cái bóng tư sản vẫn là con mồi để bọn họ rình rập, bới móc.

“Ba đã hơn một lần định tự thiêu ngay trước khách sạn của nhà tôi. Mẹ khóc ngắt can ngăn. Ba tôi uất ức vì tài sản bị cưỡng đoạt. 39 năm qua, Ba tôi đã liên tục khiếu nại, nhưng vô ích. Họ biến tài sản được xây

dựng bằng mồ hôi nước mắt của Ba Mẹ tôi thành của công, rồi phân chia làm của riêng với mỹ từ là ‘cổ phần hóa’. Trước vong linh của Ba, tôi thề sẽ tiếp tục đòi lại viên gạch cuối cùng của nhà tôi. Ba đã đau khổ 39 năm qua. Tôi nghĩ, tôi còn có 39 năm nữa để đòi lại cho bằng được. Và những kẻ cướp đoạt, nếu còn sống sẽ phải tới mộ phần Ba tôi khấn đầu tạ tội...”

Tùy bút “Lạy Ba con đi” của Đỗ làm tôi nhớ, đầu năm 1982, tạp chí Nhân Chứng đăng bài viết đầu tiên của Đỗ Văn Trọn, tựa đề “Lá thư gửi mẹ”, đã được chương trình Việt ngữ đài BBC Luân Đôn, chọn đọc trong đêm giao thừa, Nguyên đán năm đó. Một tùy bút cảm động, diễn tả tấm lòng của đứa con xa mẹ, những ngày cuối năm lạc lõng, nơi quê người.

Đôi theo đường bay văn chương của Đỗ Văn Trọn, tôi mới thấy, Đỗ không chỉ có khả năng làm chảy những hạt lệ muộn, nơi tâm hồn những người mẫn cảm khi đề cập tới tình sâu của đấng sinh thành mà, Đỗ còn có khả năng phân thân, nhập vai người nữ, nhuần nhuyễn với những đoạn văn mang tính độc thoại, nền tảng truyện ngắn “Vết tràm” - Một truyện ngắn nằm trong tuyển tập truyện cùng tên, từng tạo được sự chú ý của giới cầm bút:

“...Mồ hôi tôi đã rịn xuống trán, xuống lưng và thấm qua làn vải. Đau quá đi thôi. Làm sao có thể la lên, khóc lên được. Ai cho tôi con dao, ai cho tôi cái kéo? Tôi quờ quạng đôi tay tìm kiếm, không có gì hết. Không có gì chặn được cơn đau. Tôi cắn chặt môi, xua đi những âm thanh quái đản, xua tan hết những đau đớn vô vàn này. Ai san sẻ với tôi lúc này? Tại sao đã chết còn khổ sở như vậy? Gọi tên ai bây giờ, tên cha mẹ, tên anh em, họ hàng hay gọi tên người yêu? Tại sao đến bây giờ tôi mới nghĩ đến chàng. Giờ tận cùng cuộc đời mới gọi tên nhau. Những linh hồn quanh tôi đã lũ lượt đi gần hết. Còn tôi ở đây giằng co giữa người sống và kẻ chết. Thôi em đi đây, Minh ơi, vĩnh biệt. Tôi ú ớ tên chàng để rồi hét lên hãi hùng. Không kềm hãm. Tiếng kêu thất thanh làm nhiều người thức giấc. Trời vẫn còn đen sẫm, tiếng tụng kinh và tiếng gõ mõ bên chùa vẫn đều đều. Như thế tôi đâu có mơ, sự thật vẫn quanh tôi, để chứng tỏ tôi đã thức, một đêm quá dài, quá kinh khủng...”



Từ phải qua trái: Trương Gia Vy, Đỗ Văn Trọn, Du Tử Lê, Phan Nhật Nam (Đám tang Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng)

Văn chương của Đỗ không chỉ tâm thành trong lãnh vực ân, nghĩa với đấng sinh thành, với tình yêu mà, chữ nghĩa của Đỗ còn đậm thắm độ sâu với bằng hữu. Gần đây nhất, trước cuộc chia tay vĩnh viễn với cố nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, Đỗ nhớ lại:

“...Giữa năm 1985, anh Mai Thảo gọi tôi. Em đến đón anh đi ăn cơm với anh Nguyễn Xuân Hoàng vừa từ Việt Nam sang. Anh em gặp nhau mừng rỡ. Anh kể cho tôi nghe những ngày ở Báo Văn, những ngày ngụp lặn ở khu Mã Lạng. Ở Nguyễn Trãi, ở Phạm Ngũ Lão với những nỗi buồn của người ở lại, nhớ những anh em ở bên kia đại dương. Và, thân phận của một nhà văn, nhà giáo dưới một chế độ mới đầy rẫy công an. Ai cũng có thể bắt mình. Ngay người phụ ở trường cũng có thể lập một bản án giam thầy giáo. Từ những sợ hãi đó, anh không dám dạy học nữa.

“Buổi gặp gỡ đầu tiên của anh em chúng tôi tại Quận Cam thật đáng nhớ. Tôi ngồi yên lặng để nghe anh kể chuyện. Chuyện thầy giáo dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Chuyện học sinh bây giờ đầu còn: “Tiên học lễ, hậu học văn” hay “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Học sinh có thể phê bình và đấu tố thầy giáo. Nghĩ tới điều này, tôi thấy mắt mắt một điều gì đó rất tôn quý ở Việt Nam. Thời chúng tôi đi học, gặp thầy cô vòng tay chào và kính mến như cha mẹ của mình.

“Lời anh Mai Thảo, tôi luôn khắc ghi: ‘Bọn nhà văn chúng ta, có một thứ tiền tệ riêng mà không ai xài được.’ Với trường thượng Mai Thảo, khi đã xem người nào là bạn, là em thì tất cả như một mắt xích dính liền, phải là anh em chí tình, chí nghĩa với nhau...” (Trích “Gió cuối đời khẽ gọi”)

Đỗ nhắc tới cố nhà văn Mai Thảo, là nhắc tới một trong những ăn ở thủy chung của Đỗ với anh em. Trong số những người trẻ tôi được quen biết, thân thiết, có lẽ chúng ta không có nhiều lắm, những người trẻ tận tình, tận nghĩa trước mặt như sau lưng, với bằng hữu như thế! Nhất là trong xã hội thực dụng, như xã hội hôm nay!

Tình yêu (tôi xin được dùng hai chữ này) Đỗ dành cho cố nhà văn Mai Thảo, Nguyễn Xuân Hoàng... nhiều lần khiến tôi ngậm ngùi, cảm động.

Tôi vẫn nghĩ, một người trẻ, hiếu đễ với cha mẹ, quên mình, lo cho các em, ăn ở chân tình tới mức làm mũi lòng người khác, không thể là người xấu, nếu không muốn nói, đó là một tâm-thái đáng quý, nơi một người trẻ tuổi.

Vì thế, tôi không hề ngạc nhiên, khi dõi theo những bước chân thành tựu của Đỗ, trên lộ trình nhân thế eo óc, chên vênh.

Vì thế, tôi không ngạc nhiên khi biết, ngay sau khi lo cho hai em (một tốt nghiệp luật sư, một trở thành bác sĩ), Đỗ lao mình vào công việc, để có phương tiện trợ giúp những người ngặt nghèo, thất thế.

Vì thế, tôi cũng không chút ngạc nhiên, khi biết, Đỗ là một trong những người đầu tiên ở miền bắc Cali, nâng cấp lãnh vực truyền thông, giai đoạn chập chững, trở thành chuyên nghiệp. Tôi đã không một chút bất ngờ, khi Đỗ được tuần báo Time số đề ngày 25 tháng 7 năm 1988, phỏng vấn, viết bài, vinh danh Đỗ như một thứ “Guru” trong lãnh vực vừa kể.

Vì thế, tôi cũng không chút ngạc nhiên, khi biết, Đỗ chưa một lần thất bại trong những vận động, tụ tập hàng chục ngàn người ở những quảng trường bát ngát, gây quỹ giúp đồng bào tỵ nạn Đông nam Á, giúp nạn nhân bão lụt, quê nhà. Mồ mắt, đem lại ánh sáng cho hơn 20,000 đồng bào vốn khó khăn vật chất, lại gặp nguy cơ mù mắt vì đục thủy tinh thể...

Tôi biết, tôi không thể liệt kê hết dù chỉ những việc làm, đóng góp chính của Đỗ tính tới hôm nay, sau vài chục năm ở xứ người. Nhưng tôi biết, ở lãnh vực nào, với mục đích gì thì, Đỗ cũng khởi sự với tất cả nhiệt tâm, hăng say, từ nhiều sáng kiến, táo bạo.

Vì thế, tôi cũng không chút ngạc nhiên một năm sau khi cố nhà báo Đỗ Ngọc Yên được trao giải Truyền Thông Hoa Kỳ dành cho các sắc dân thiểu số thì, ngày 17 tháng 10 năm 2004, tổ chức NCM Award đã trao giải Tuy bút cho Đỗ Văn Trọn, tư cách nhà văn.

Tôi vẫn cho rằng, một nhà văn, khi nắm được yếu tính của ngôn ngữ và kỹ thuật liên tưởng hình ảnh thì, lúc chuyển qua thi ca, cơ hội thành công của họ rất cao. Với Đỗ Văn Trọn, tôi không biết Đỗ làm thơ bao lâu? Tôi nghĩ không lâu lắm. Và cũng không nhiều lắm. Vì thế, tôi ngạc nhiên, thực sự ngạc nhiên khi được nghe hai ca khúc phổ từ thơ của Đỗ, bởi hai nhạc sĩ Vũ Thành An và Nguyễn Nhu, qua các tiếng hát như Ý Lan, Diễm Liên, Lều Phương Anh. Đó là các bài “Hạt giống tình” và “Em đi qua”.

Ở bài “Hạt giống tình”, tôi chú ý tới mấy câu: “Ai có hỏi xin đời hãy nói / mỗi tình đầu là hạt giống trăm năm / hạt giống tình rơi trên đất tốt / sẽ nở tươi thành đóa thi ca”...

Ở bài “Em đi qua”, với tôi là: “Em đi qua, dòng sông buồn muốn khóc / thốt cùng ai, ai hiểu nỗi lòng ai / Đêm thánh lễ có một người tự hỏi / Tan lễ rồi Chúa hỏi có buồn không?”

Vẫn chỉ là những câu thơ tình nhẹ nhàng, thủ thi. Nhưng khi Đỗ cụ thể hóa tình đầu như một thứ “hạt giống trăm năm” và, nhân cách hóa dòng sông như người tình thì, với tôi, là hai liên tưởng khá mới mẻ. Tôi đã không ngạc nhiên khi cả hai ca khúc đi ra từ thơ Đỗ đã được nhiều khán, thính giả đón nhận.

Nhưng, tôi có ngạc nhiên (rất ngạc nhiên), khi mức độ thành tựu của Đỗ ở nhiều mặt, từ văn chương, xã hội, tới tâm thái tha thiết muốn chia sẻ phần nào với những mảnh đời bất hạnh... lại vẫn có những chủ tâm bôi bẩn, ném đá của một số người!?!

Sau này, tôi nghiệm ra, phải chăng bản chất con người là đố kỵ, ganh ghét ? Nên mới đây, trong một gặp gỡ tình cờ với Đỗ Dzũng, Mai Phi Long (hai người bạn trẻ khác của tôi), tôi có nói với họ đại ý:

Dường như không một thành tựu nào của bất cứ ai, trong tập thể chúng ta mà, không bị ném đá!!! Hình thái cũng như số lượng những vụ ném đá sẽ gia tăng theo những gặt hái mà người đó đạt được!!!

Đỗ Văn Trọn, không ngoại lệ. Như mặt khác, mặt bên kia của đồng tiền định mệnh, khắc nghiệt.

Tuy nhiên, cách gì, tôi vẫn tin linh hồn cố nhà văn Mai Thảo, Nguyễn Xuân Hoàng... ở đâu đó nơi cõi khác, sẽ rất vui với bài viết này.

Và hôm nay, quê người, một Đỗ Văn Trọn, trưởng thành, đã chọn con đường, thiết tha sống cho kẻ khác...

Du Tử Lê,

(California, Nov. 2014)